

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 11-9-2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Dương Sinh Huy

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** **Chị Cam Ngọc T**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BT, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Anh Nguyễn Duy K**, sinh năm: 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VC, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Cam Ngọc T trình bày: Nguyên vào năm 2016, chị với anh Nguyễn Duy K tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và tự nguyện được gia đình hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2016 ngày 09/8/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chị tại ấp BT, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2019 đến nay. Kể từ đó mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nguyên nhân là do anh K không lo chí thú làm ăn, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy K. Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Duy K1, sinh ngày 15/10/2017, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung phải thu – phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 06 tháng 8 năm 2019 anh Nguyễn Duy K cho rằng: Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị T trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T, về con chung anh đồng ý giao Nguyễn Duy K1 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Cam Ngọc T và bị đơn Nguyễn Duy K có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cam Ngọc T có đơn đề ngày 21 tháng 8 năm 2019 và anh Nguyễn Duy K có đơn đề ngày 06 tháng 8 năm 2019 xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng chị T, anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: năm 2016 chị T, anh K kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2016 ngày 09/8/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng gian đầu chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2019 đến nay. Kể từ đó mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nguyên nhân là do anh K không lo chỉ thú làm ăn, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh K cũng thừa nhận vợ chồng thường mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với chị T. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh K là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Duy K1, sinh ngày 15/10/2017, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, anh K cũng đồng ý. Xét trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn cháu K1 sống với chị T, cuộc sống ổn định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao cháu K1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cam Ngọc T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cam Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

2/Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy K1, sinh ngày 15/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Cam Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006991 ngày 24 tháng 4 năm 2019, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện MT:01;
- THADS huyện MT: 01;
- UBND xã HT (2016):01;
- Đương sự: 02 ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tám